

NHỮNG QUI LUẬT HÌNH THÀNH NÊN ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN MIỀN BẮC VIỆT-NAM

VŨ TỰ LẬP

Thời gian qua, Tạp chí *Hoạt động Khoa học* mở cuộc thảo luận, nội dung chủ yếu xoay quanh các vấn đề về đặc điểm cơ bản của tự nhiên miền Bắc Việt-nam, nhằm tiến tới xác định một cơ cấu trồng trọt và chăn nuôi hợp lí. Trên 30 bài báo của các nhà khoa học thuộc nhiều ngành khác nhau đã tham gia phát biểu ý kiến. Theo dõi cuộc thảo luận đó, bản thân chúng tôi rút ra được nhiều điều bổ ích: nhiều khía cạnh riêng như khí hậu, thổ nhưỡng, thực vật, động vật...; những khía cạnh chung như tính địa đới, tính phi địa đới; và cả những dự kiến về cơ cấu trồng trọt và chăn nuôi hợp lí... cũng được đề cập tới, qua đó đã làm sáng tỏ nhiều vấn đề khoa học và thực tiễn, làm rõ dần những qui luật của tự nhiên miền Bắc nước ta.

Tuy nhiên, với một vấn đề lớn và phức tạp như vậy, việc giải quyết thật không phải dễ dàng.

Trên cơ sở những kết quả nghiên cứu của bản thân về sự phân hóa của tự nhiên miền Bắc Việt-nam xuống đến một cấp tương đối thấp là cấp *cảnh địa lí*, trong bài này chúng tôi mạnh dạn tham gia cuộc thảo luận, nhất là trong hoàn cảnh nước nhà đã thống nhất, việc tìm hiểu những đặc điểm cơ bản ở từng vùng của đất nước sẽ có căn cứ vững chắc hơn, không chỉ đóng khung trong phạm vi miền Bắc, vốn không phải là một đơn vị tự nhiên hoàn chỉnh.

Qua theo dõi cuộc thảo luận, chủ quan chúng tôi rút ra những điểm thống nhất trong phần lớn các tác giả đã phát biểu trên mục này như sau:

1. Khí hậu và tự nhiên miền Bắc Việt-nam rất đặc sắc, do đó không thể vận dụng đơn giản và máy móc những chỉ tiêu phân loại được đúc kết từ những địa phương xa lạ với chúng ta và thường cũng không thống nhất. Vì thế, hầu hết các nhà khoa học tham gia thảo luận đều muốn xuất phát từ thực tiễn miền Bắc Việt-nam để rút ra những kết luận khoa học phục vụ trở lại thực tiễn, trước hết là thực tiễn phân bố cây trồng và gia súc; chính đây là ý nghĩa của cuộc tranh luận, đã làm sáng tỏ nhiều chi tiết trong đặc điểm của tự nhiên miền Bắc nước ta.

2. Nguyên nhân của tính độc đáo, tính cá thể không lặp lại của tự nhiên miền Bắc Việt-nam bắt nguồn từ vị trí trung gian chuyển tiếp của lãnh thổ miền Bắc, và do lãnh thổ miền Bắc đồng thời chịu tác động của nhiều nhân tố phức tạp; các nhân tố này có lúc, có nơi tăng cường lẫn nhau, hạn chế lẫn nhau, vì thế khi phân tích riêng từng nhân tố một thì tương đối dễ thống nhất ý kiến, nhưng khi tổng hợp lại để tìm ra mặt chủ yếu, tìm ra đặc điểm tổng quát thì khó khăn tới mức nhiều khi không muốn đi đến một kết luận dứt khoát.

3. Trồng phạm vi lãnh thổ miền Bắc, tự nhiên rất đa dạng, mối quan hệ giữa các mặt đối lập thay đổi tùy nơi, vì thế, khi bàn đến đặc điểm của tự nhiên miền Bắc Việt-nam thì khó thống nhất ý kiến, nhưng càng đi xuống cấp phân vị thấp thì càng dễ thống nhất ý kiến, do đó xuất hiện xu thế muốn phân vùng cụ thể để xác định đặc điểm của từng vùng.

4. Cũng vì những lí do vừa nêu trên nên sự tranh luận dần dần tập trung vào khu

vực thấp dưới 600 m, trong khu vực đó lại tập trung vào phía bắc đèo Ngang, rồi lại hạn chế nữa, vào khu vực phía bắc vĩ tuyến 20°B.

5. Tại khu vực phía bắc vĩ tuyến 20°B, ai cũng thừa nhận sự tồn tại của một mùa đông, nếu xác định theo trung bình tháng dưới 18°C thì tới 3 – 5 tháng.

6. Đầu đầu cũng có mùa ít mưa và mùa mưa nhiều. Trong mùa ít mưa, nói chung độ ẩm trong không khí vẫn cao (xấp xỉ 80%) do ảnh hưởng của biển và của địa hình. Nói cách khác, nếu xét theo độ ẩm trong không khí thì tính chất ẩm nổi bật, nhưng nếu xét theo tương quan giữa lượng mưa và lượng bốc hơi thì xuất hiện một mùa khô dài, ngắn tùy nơi.

7. Về cơ cấu cây trồng, mọi người đều thừa nhận có thể và nên trồng những cây ngắn ngày ôn đới vào mùa đông, còn đối với cây lâu năm nên chọn các loài có biên độ sinh thái rộng, cả nhiệt đới lẫn á nhiệt đới, đồng thời cũng đều thừa nhận nếu muốn đạt năng suất cao và ổn định phải qua khâu thuần hóa và lai tạo giống.

Sau đây là những điểm còn có ý kiến khác biệt nhau:

1. Tuy có mùa đông, nhưng nền nhiệt lượng cả năm vẫn cao, mùa đông lại không thuần nhất và không ổn định, do đó khí hậu và tự nhiên miền Bắc Việt-nam về căn bản vẫn là nhiệt đới.

Những ý kiến đối lập cho rằng, một khi đã có hai mùa nhiệt rõ rệt thì không thể là nhiệt đới, còn mùa đông nếu xét theo thời tiết và theo nhiệt độ tối thiểu thì phải được xem như đủ dài và đủ mạnh để kết luận tự nhiên miền Bắc nước ta là á nhiệt đới.

2. Tuy có mùa ít mưa và thời kì khô hạn, nhưng do lượng mưa mùa hạ quá lớn, cuối cùng tương quan nhiệt ẩm cả năm thiên về ẩm, nhất là khi đất vẫn giữ được nước đủ cho cây lâu năm.

Những ý kiến đối lập cho rằng, thực tế vẫn thiếu nước, cần phải chống hạn trong mùa đông, tầng đất trên mặt rõ ràng là không đủ nước cho cây có bộ rễ ăn không sâu, còn đối với cây lâu năm, tuy không thiếu nước đến mức phải rụng lá, nhưng vẫn không đủ nước để tăng trưởng. Vì vậy, phải coi tự nhiên miền Bắc Việt-nam là ẩm có mùa, và thực bì tự nhiên chủ yếu là rừng ẩm theo mùa.

3. Nên kết luận tự nhiên miền Bắc là nhiệt đới gió mùa, thuật ngữ đó mềm dẻo, nói được sự kết hợp của nền nhiệt lượng cao và

sự phân hóa thành hai mùa khô, ẩm và có thể cả nóng, lạnh; nói được nhân tố phát sinh chủ yếu là bức xạ của vĩ độ và chế độ gió mùa.

Những ý kiến đối lập cho rằng, như thế quá chung chung và do đó thiếu chính xác, không phân biệt được đặc điểm của tự nhiên miền Bắc nước ta với đặc điểm của tự nhiên các khu vực nhiệt đới gió mùa khác trên thế giới, không phân biệt được sự khác nhau giữa miền Bắc, miền Trung và miền Nam Việt-nam. Ngoài ra, làm như vậy còn tách khu vực gió mùa ra khỏi hệ thống phân kiểu chung toàn thế giới và chưa đánh giá đúng dẫn vai trò của địa hình.

4. Không cần xác định nhiệt đới là chính hay á nhiệt đới là chính, đó chỉ là hình thức, không có giá trị thực tiễn, chỉ nên nhấn mạnh đến tính đặc sắc, không lặp lại, tính cá thể và cụ thể của tự nhiên miền Bắc nước ta. Ngoài ra, ngay trên miền Bắc cũng có nhiều vùng có đặc điểm rất khác nhau, do đó nên đi vào tìm hiểu đặc điểm từng vùng, từng địa phương nhỏ, hơn là tìm cách xác định đặc điểm chung của cả miền.

Những ý kiến đối lập cho như thế là quá cường điệu tính cá thể, mà không thấy rằng, ngoài tính cá thể, mỗi vùng còn có tính kiểu loại; các vùng không chỉ có điểm khác nhau mà còn có những điểm giống nhau; các vùng không phải chỉ độc lập với nhau mà còn liên hệ với nhau như là những bộ phận của lớp vỏ địa lí hoàn chỉnh và thống nhất. Do đó, quan điểm « hệ thống—cấu trúc » không những chỉ chia rẽ đối tượng nghiên cứu ra thành những đơn vị nhỏ hơn, mà còn phải đặt đối tượng nghiên cứu vào trong hệ thống lớn hơn mà nó là một bộ phận, không những chỉ nên nghiên cứu từ dưới lên mà phải phối hợp với cả phương pháp nghiên cứu từ trên xuống.

Đề tiến tới một nhận định thống nhất về đặc điểm cơ bản của tự nhiên miền Bắc Việt-nam, rõ ràng phải có cách nhìn tổng hợp và biện chứng, phải có nhiều tài liệu khách quan, chính xác và chi tiết, do đó, còn quá sớm nếu muốn giải quyết triệt để vấn đề này. Cho nên, sự tham gia thảo luận của chúng tôi lần này cũng chỉ góp thêm một phần nhằm tiến tới mục đích nói trên.

Chúng tôi đứng trên quan điểm địa lí để nhìn nhận vấn đề, nghĩa là dựa vào các qui luật địa lí và các đơn vị địa lí để nêu lên và giải thích những đặc điểm cơ bản của tự

nhiên miền Bắc Việt-nam, vì theo chúng tôi sự phân tán i kiến trong khi thảo luận, nhiều khi bắt nguồn từ chỗ không thống nhất về cách đặt tên và đặt tự nhiên miền Bắc vào một hệ thống chung như thế nào cho phù hợp.

Trước hết, việc dùng các thuật ngữ địa lí cũng còn vấp phải những tập quán cần phải thanh toán để có thể phản ánh thực chính xác nội dung của khái niệm. Thuật ngữ «nhiệt đới», nếu dịch từ «Zone tropicale» thì chưa sát, vì «tropicale» không bao hàm chế độ nhiệt, càng không bao hàm ý nghĩa nóng, mà chỉ nói lên vị trí vĩ độ: «thuộc vùng chí tuyến». Thuật ngữ «nhiệt đới», nếu xét theo chỉ tiêu về các đới địa lí (zone géographique) lại không đúng, vì đới địa lí chủ yếu dựa vào *tương quan nhiệt-ẩm* và được gọi thông qua giới thực vật, ví dụ đới nhiệt đới ẩm là đới rừng mưa nhiệt đới, đới nhiệt đới hơi khô là đới xavan nhiệt đới..., còn thuật ngữ nhiệt đới, á nhiệt đới, ôn đới... khi nói không kèm theo tương quan nhiệt-ẩm chính là *vòng địa lí* (ceinture géographique) chỉ căn cứ vào bức xạ hay chế độ nhiệt. Do đó, gọi «vòng nhiệt đới» cũng không đúng, vì đã «vòng» lại còn «đới», mà gọi «nhiệt đới» không thôi thì lại lẫn lộn giữa hai đơn vị địa lí khác cấp và khác chỉ tiêu nói trên. Ngay thuật ngữ «ôn đới» (zone tempérée), «á nhiệt đới» (zone subtropicale) cũng là qui ước của các nhà địa lí nước ngoài. Họ coi nơi họ ở là ôn hòa, nên phía cực thì lạnh hơn, phía xích đạo thì nóng hơn; nhưng đối với chúng ta, chỉ có một chiều là càng lên phía bắc càng lạnh, cho nên nếu «á nhiệt đới» đã là lạnh thì «ôn đới» phải là rét chứ đâu có ôn hòa. Thuật ngữ «á nhiệt đới» cũng được đặt theo chiều từ «ôn đới» xuống «nhiệt đới», nếu đi từ nhiệt đới lên thì phải gọi là «á ôn đới», vì thế, có tác giả không dùng thuật ngữ «á nhiệt đới», mà dùng thuật ngữ «ôn đới ẩm» (W. Köppen), hay «ôn đới không có mùa đông» (E. de Martonne).

Chúng tôi thiết nghĩ, đã đến lúc các nhà khoa học tại các nước ở những vĩ độ thấp cần phải và có thể tham gia vào bức tranh khoa học phân vùng thế giới, dùng các thuật ngữ khách quan hơn để thảo luận và giới thiệu sự đa dạng và phức tạp của môi trường địa lí. Vì thế, lần này chúng tôi sẽ dùng những thuật ngữ dựa vào các vĩ tuyến cơ bản của trái đất (vòng xích đạo, vòng chí tuyến, vòng cực) để trình bày các qui luật và các đơn vị địa lí tự nhiên.

Có tất cả 4 qui luật phân hóa không gian

phổ biến của địa lí quyền: qui luật phân hóa theo vĩ độ, qui luật phân hóa theo kinh độ, qui luật phân hóa theo địa hình và qui luật phân hóa theo đai cao. Chúng tôi dựa vào 4 qui luật phân hóa đó để xét đặc điểm của tự nhiên miền Bắc nước ta.

Dựa vào qui luật phân hóa theo vĩ độ thì miền Bắc Việt-nam nằm trong vòng nội chí tuyến, với độ dài ngày dao động trong khoảng 10g46ph – 13g16ph. Đặc điểm này để lại dấu vết sâu sắc trên các đới ngang và đai cao nằm lọt trong phạm vi của vòng. Cụ thể là, mùa đông ở miền Bắc Việt-nam có ngày ngắn, nhưng bức xạ mặt trời vẫn có khả năng làm biến tính nhanh chóng các khối không khí ngoại chí tuyến do gió mùa đông bắc mang lại nếu chúng không được bổ sung dồn dập. Tại đồng bằng, ngày nóng trên 20°C xuất hiện quanh năm khiến cho nhiệt độ trung bình năm ở đây cao. Lên trên núi, cường độ bức xạ còn mạnh hơn nữa, cứ lên 1000m tăng 10%, khiến cho các đai cao trên miền núi Bắc Việt-nam sẽ khác rất nhiều so với các đới ngang cùng tên về chu kì quang và chế độ bức xạ, qua đó sẽ không giống cả về nhiều đặc điểm tự nhiên khác.

Dựa vào qui luật phân hóa theo kinh độ, rõ ràng miền Bắc Việt-nam nằm trong ô hải dương phía đông của vòng nội chí tuyến châu Á, nơi diễn ra chế độ gió mùa đặc sắc. Chính tính địa ô này đã có ảnh hưởng quyết định đến nhịp điệu mùa của tự nhiên Việt-nam nói chung và của miền Bắc nói riêng.

Một kết quả của tác động tương hỗ giữa qui luật phân hóa theo vĩ độ và qui luật phân hóa theo kinh độ là sự hình thành các đới địa lí, do đó mà chúng tôi cũng như nhiều tác giả khác chỉ xét các đới trong phạm vi các địa ô.

Tên gọi các đới thường dựa trên các dấu hiệu địa thực vật. Tuy nhiên, nên chú ý rằng thành phần loài của hệ thực vật và hệ động vật tự nó không cung cấp khái niệm về tính địa đới. Các nét địa đới của giới thực vật và động vật thể hiện ở sự thích nghi của các cá thể và các quần xã đối với tình hình sinh thái, cũng như ở kết quả rèn luyện trong quá trình tiến hóa để phù hợp với nội dung địa lí của đới cảnh quan (X. V. Calenxnic, 1970). Nhận định này có ý nghĩa đặc biệt cần thiết đối với việc xác định tính địa đới của tự nhiên miền Bắc Việt-nam.

Khi vận dụng chỉ tiêu A.A. Grigoriep – M.I. Buducô $K=R/Lr$ để vạch ranh giới các đới, người ta thấy có sự không phù hợp hẳn với ranh giới của các đới tự nhiên xác định trên thực

địa. Li do cũng dễ hiểu, đó là do không có một hệ số nào có thể bao gồm được toàn bộ các hiện tượng khí hậu phức tạp, và khí hậu cũng không phải là nhân tố duy nhất của tính địa đới. Mặt khác, trạng thái của bất kì đới địa lí nào cũng được tạo thành không chỉ bằng tổng thể các điều kiện tự nhiên hiện tại, mà còn bằng lịch sử hình thành lâu dài của đới.

Một thiếu sót lớn của chỉ tiêu A.A. Grigoriep — M.I. Budurcô là không phản ánh được nhịp điệu mùa của chế độ nhiệt và chế độ ẩm (A.G. Ixajencô, 1965). Vì thế nếu trích ngay một ví dụ trong bảng đới địa lí do các tác giả đó đề xuất, ta thấy một tương quan nhiệt — ẩm có thể tương ứng với nhiều kiểu thảm thực vật rất khác nhau về nhu cầu nước: hệ số $K = 0,8 - 1,0$ ở nội chí tuyến, tương ứng với cả rừng xích đạo, rừng thưa nhiệt đới và xavan rừng. Chính A.A. Grigoriep cũng tự nhận thấy điều đó nên đã viết: « Chúng tôi rất hiểu rằng, muốn nghiên cứu sâu sắc hơn qui luật địa đới, phải sử dụng những số liệu hàng tháng (hoặc theo mùa). Song những số liệu theo hàng tháng về cân bằng bức xạ của mặt đất thiếu, nên không cho phép chúng tôi mở rộng sự nghiên cứu theo hướng ấy » (1)

Còn D.L. Acman thì nhận xét rằng, công thức nói trên chỉ đúng trong điều kiện địa hình phân thủy bằng phẳng, mà địa hình này lại chiếm một tỷ lệ nhỏ trên thế giới.

Đối với miền Bắc Việt-nam, nơi có hai mùa nhiệt — ẩm phân biệt khá rõ và đồi núi chiếm 4/5 diện tích, rõ ràng chỉ tiêu A.A. Grigoriep chỉ có ý nghĩa tham khảo.

Dưới đây, khi xác định tính đới của tự nhiên miền Bắc, chúng tôi chủ yếu dựa vào diễn biến hàng tháng của chế độ nhiệt — ẩm. Sự hình thành nên các đới ngang, bị phức tạp hóa bởi tác động phân phối lại nhiệt — ẩm do địa hình, ta cần phải nghiên cứu thêm.

Dựa vào qui luật phân hóa theo địa hình thì ở miền Bắc Việt-nam ta thấy tự nhiên thay đổi rất đột ngột, kiểu bức xạ, ví dụ đi từ Tiên-yên đến Đình-lập hệ số K thay đổi tới 2 lần, và bên cạnh rừng mưa nguyên sinh trên sườn núi Pulaileng, ta có thể gặp xavan rừng nguyên sinh ở thung lũng Mường-xén. Như vậy, trong một khu vực đồi núi như ở miền Bắc Việt-nam, không có một tương quan nhiệt — ẩm thống nhất để làm căn cứ xác định các đới ngang thông thường ở đồng bằng. Cũng vì thế mà chỉ có thể phân ra các đới bằng cách khái quát hóa cao độ: còn đơn vị địa lí có ý nghĩa khoa học và thực tiễn cao, chính là các cảnh địa lí vì nó

có nhịp điệu mùa thống nhất. Xác định tính địa đới thông qua việc nghiên cứu các cảnh địa lí là phương hướng được hầu hết các nhà địa lí thừa nhận là đúng đắn, và chúng tôi cũng sẽ làm như vậy. Đến một độ cao nào đó, thường từ 500—600 m trở lên, qui luật đai cao lại phát huy tác dụng, làm biến đổi mạnh mẽ các đới ngang, khiến cho nhiều nhà địa lí lại không dùng đơn vị đới địa lí khi phân vùng lãnh thổ đồi núi.

Dựa vào qui luật phân hóa theo đai cao thì ở miền Bắc Việt-nam — một khu vực có nhiều đồi núi, việc phân chia ra các đới ngang với đường ranh giới rõ ràng không thể thực hiện được. Ở đây, tính địa đới chỉ được thể hiện thông qua tính chất của hệ thống các đai cao — hệ quả của mối quan hệ tương hỗ giữa các qui luật địa lí phổ biến nói trên. Nói cách khác, đặc điểm của hệ thống đai cao là sự cụ thể hóa các tính chất của vòng nội chí tuyến, của ô gió mùa Đông-nam Á, của các xứ kiến tạo — địa mạo mà miền Bắc Việt-nam là một bộ phận. Sở dĩ như vậy là vì, một mặt, các qui luật phân hóa không gian phổ biến của địa lí quyền thực ra không tồn tại độc lập với nhau dưới dạng thuần túy, mà soán quyền vào nhau, tác động lẫn nhau, và đặc điểm của tự nhiên một khu vực là kết quả tổng hợp của tác động đồng thời và tương hỗ đó; mặt khác, do mỗi qui luật đều có nguyên nhân phát sinh riêng mà chúng tồn tại bền vững, độc lập với nhau, không xóa bỏ lẫn nhau. Gió mùa tuy có làm biến dạng các tính chất của vòng nội chí tuyến và các đới của vòng đó nhưng vẫn không xóa nổi sự biểu hiện của vòng, thể hiện ở chế độ ngày ngắn, ở sự xen kẽ giữa các ngày nóng và ngày lạnh trong mùa đông, ở mùa hạ dài và nóng, khiến cho chế độ gió mùa ở miền Bắc Việt-nam vẫn nằm trong phạm trù gió mùa nội chí tuyến. Tác động tương hỗ giữa vị trí vĩ độ và hoàn lưu đã tạo ra những đặc điểm mà chỉ riêng một yếu tố không thể làm được. Ví dụ: nếu không có gió mùa thì vị trí vĩ độ sẽ tạo ra đới bán hoang mạc hoặc đới xavan nội chí tuyến từ nóng khô đến nóng hơi khô. Chính do tác dụng của gió mùa mùa hạ mà ở miền Bắc nước ta có đới rừng bao phủ; do tác động của gió mùa mùa đông mà ở miền Bắc nước ta có một mùa đông lạnh và khô, dài hoặc ngắn. Nhưng, trên lãnh thổ miền Bắc, đồi núi lại chiếm đa số và rất phức tạp, với những độ cao khác

(1) A.A. Grigoriep. Về tình hình hiện nay của học thuyết địa đới. Tuyển tập địa lí, tập 2, Nhà xuất bản Khoa học, Hà-nội — 1968 — trang 15.

nhau, hướng khác nhau, nham thạch khác nhau cho nên chế độ nhiệt — ẩm do gió mùa và bức xạ vĩ độ phối hợp với nhau để tạo nên, lại một lần nữa bị biến dạng. Ta không thấy một đới ngang với một nền nhiệt lượng và một tương quan nhiệt—ẩm thống nhất chạy từ đông sang tây (ví dụ từ Mông-cái đến Lai-châu), hay từ bắc xuống nam (ví dụ từ Đồng-văn đến Vĩnh-linh), mà thấy một hệ thống đai cao của một khu vực đồi núi nhấp nhô (trừ khu đồng bằng Bắc-bộ, chiếm khoảng 10% diện tích toàn miền Bắc). Cũng do tác động tương hỗ giữa tính địa đới và tính đai cao, mà một mặt, lên đến độ cao 600 m, ta gặp một sự thay đổi về chất trong nền nhiệt lượng, nhưng mặt khác, đai chân núi dưới 600 m vẫn mang tính địa đới rõ nét và các đai trên 600 m cũng là kết quả tổng hợp của cả hai qui luật, nghĩa là có đặc điểm của những đai trên núi gió mùa nội chí tuyến mà chúng ta phải nghiên cứu cụ thể. Ở đây chúng tôi đi sâu phân tích đặc điểm của khu vực dưới 600m để từ đó rút ra những kết luận về đặc điểm cơ bản của tự nhiên miền Bắc nước ta. Ngoài ra mỗi đai cao là tập hợp của nhiều cảnh địa lí cụ thể, cho nên chúng tôi phân tích đặc điểm của đai chân núi dưới 600m theo phương pháp « hệ thống — cấu trúc », tức là phân tích qui luật phân bố của các cảnh trong đai. Đó là cách chúng tôi tiếp cận các điểm còn chưa nhất trí đã được nêu lên khi nhìn lại các ý kiến thảo luận trên Tạp chí *Hoạt động Khoa học* trong thời gian qua.

Ở đây, chúng tôi muốn phát biểu ý kiến về hai vấn đề:

1. Khi bàn luận xem khu vực từ phía bắc đèo Ngang trở ra, về cơ bản là « á nhiệt đới » hay về cơ bản vẫn là « nhiệt đới », chúng tôi cho rằng: đây là một khu vực « về cơ bản mang tính chất chuyển tiếp từ nhiệt đới sang á nhiệt đới ». Kết luận đó được rút ra từ việc phân tích nhịp điệu mùa cụ thể của 316 cảnh có độ cao dưới 600 m phân bố trong suốt phạm vi lãnh thổ phía bắc đèo Ngang; và 25 cảnh có độ cao dưới 600 m nằm ở phía nam đèo Ngang. Nhịp điệu mùa được xét liên tục trong suốt 12 tháng (vì xét theo qui ước cũ là mùa đông từ tháng 11 đến tháng 4 và mùa hạ từ tháng 5 đến tháng 10, rồi tính trung bình cho hai thời gian đó sẽ không phản ánh được khách quan độ dài và cường độ của mùa đông cũng như mùa hạ). Ngoài ra, chỉ tiêu mùa đông cũng phải được qui định chặt chẽ, hợp lí, mới có thể đi đến kết luận chính xác được.

Nhược điểm của chỉ tiêu W. Köppen (W. Köppen), H. Götzen (H. Gaussen) là chỉ xét tới nhiệt độ tháng lạnh nhất. Như vậy không phản ánh được thực tế khi hậu gió mùa, vì theo chỉ tiêu đó, nơi nào chỉ có một tháng dưới 18°C cũng đã trở thành « á nhiệt đới ». F. F. Davitaia có bổ sung thiếu sót đó bằng cách đưa ra vấn đề mùa, khi hậu « á nhiệt đới » biểu hiện rõ rệt hai thời kì tăng trưởng: thời kì mùa hạ và thời kì mùa đông. Trong mùa hạ, các cây ngăn ngày « nhiệt đới » có thể mọc và nở hoa kết quả, còn trong mùa đông, các cây mùa hạ của « ôn đới » sinh trưởng và phát triển tốt. Các cây lâu năm « á nhiệt đới » kết hợp trong cơ thể chúng sự đòi hỏi cao đối với thời kì sinh trưởng mùa hạ và sự thích nghi với thời kì sinh trưởng mùa đông. Ở đâu thời kì sinh trưởng mùa đông chấm dứt và xuất hiện thời kì ngừng sinh trưởng, ở đó « á nhiệt đới » chuyển sang « ôn đới »; ở đâu sự khác biệt giữa mùa đông và mùa hạ chấm dứt, ở đó là đường ranh giới giữa « á nhiệt đới » và « nhiệt đới ». Tiếc rằng, F. F. Davitaia không nêu rõ mùa đông kiểu như thế phải lạnh bao nhiêu độ và phải dài bao nhiêu tháng. Vì thế, chúng tôi phải qui định, muốn có một mùa đông, thì ít nhất mùa đông đó cũng phải dài 3 tháng, để ít ra có thể trông được một vụ cây ngăn ngày trổ vụn. Nhiệt độ trung bình tháng trong mùa, ít nhất cũng phải lạnh dưới 18°C , vì khi đó tần suất các ngày dưới 20°C của mùa hạ « ôn đới » mới đạt tỉ lệ bảo đảm từ 70% trở lên. Ví dụ, tại Hà-nội, trong 3 tháng: tháng 12, tháng 1, tháng 2, tần suất đó là 71,8%, 87,0% và 78,7% (1). Nhiệt độ đó cũng xấp xỉ nhiệt độ ba tháng 6, 7, 8 ($16,6^{\circ}\text{C} - 18^{\circ}\text{C} - 17,7^{\circ}\text{C}$) ở Pa-ri, nơi tạm coi như có khí hậu « ôn đới » điển hình. Khi nhiệt độ trung bình tháng xuống dưới 15°C thì mùa đông đã rét. Ví dụ, tháng 1 ở Lạng-son là $13,9^{\circ}\text{C}$, thì trong tháng đó tần suất thời tiết dưới 10°C lên tới 31,9%, tần suất thời tiết dưới 15°C là 39,04%, tần suất thời tiết dưới 20° là 25,75% (tính gộp cả 3 loại thời tiết: 96,69%), và tần suất thời tiết trên 20°C chỉ còn 3,31% (2).

Sau khi đã có chỉ tiêu cụ thể, xin dẫn ra bảng thống kê nhịp điệu mùa của các cảnh địa lí ở đai chân núi dưới 600 m.

(1) Vũ Tự Lập — Khí hậu Hà-nội theo phương pháp tổng hợp động học, tập I, Sinh vật Địa học — Hà-nội, 1960.

(2) Vũ Tự Lập, Phan Khánh, Nguyễn Thế Hoa, Đặng Văn Hương, Nguyễn Trọng Lân, Nguyễn Bảo Ngạc, Nguyễn Văn Quân — Đặc trưng khí hậu tổng hợp tại một số địa điểm Việt-bắc. Sinh vật Địa học, tập VI, số 3 — 4. Hà-nội, 1967.

Bảng 1 : bắc đèo Ngang

Cảnh địa li	Có thời kì lạnh (2 tháng dưới 18°C)	Có mùa đông lạnh (3 tháng dưới 18°C)	Có mùa đông rét (có tháng dưới 15°C)	Tổng số
Ven biển và đồng bằng	48	22	3	73
Đồi thấp và trung bình	23	57	23	103
Đồi cao (300—500 m)	0	16	57	73
Thung lũng và lòng chảo miền núi	18	37	12	67
Tổng số	89 cảnh	132 cảnh	95 cảnh	316 cảnh
Tỉ lệ %	28,2%	41,8%	30,0%	100%

Bảng 2 : nam đèo Ngang

Cảnh địa li	Có thời kì lạnh (2 tháng dưới 18°C)	Có mùa đông lạnh (3 tháng dưới 18°C)	Có mùa đông rét (có tháng dưới 15°C)	Tổng số
Ven biển và đồng bằng	7	0	0	7
Đồi thấp và trung bình	9	0	0	9
Đồi cao (300—500 m)	8	0	0	8
Thung lũng và lòng chảo miền núi	1	0	0	1
Tổng số	25 cảnh	0	0	25 cảnh
Tỉ lệ %	100%	0	0	100%

Qua các bảng nêu trên, ta có mấy nhận xét :

— Rõ ràng các tính chất : không có mùa đông, có mùa đông lạnh dưới 18°C dài 3 tháng, và có mùa đông rét từ 1 đến 3 tháng dưới 15°C, xen kẽ nhau tại đại chân núi, với tỉ lệ xấp xỉ nhau ở khu vực phía bắc đèo Ngang. Tình hình diễn ra khác hẳn ở phía nam đèo Ngang : 100% số cảnh thuộc đại chân núi đều có tính chất « nhiệt đới » rõ rệt.

— Tại đồng bằng, tính chất « nhiệt đới » cũng trội, nghĩa là riêng gió mùa đông bắc chưa đủ làm giảm sút tính chất « nhiệt đới » của vị trí nội chí tuyến, vì phần lớn các cảnh thuộc đồng bằng chưa có đủ một mùa đông trọn vẹn.

— Từ đồi thấp dưới 100 m, đồi trung bình từ 100 đến 300 m, và nhất là từ đồi cao trên 300 m, tính chất « á nhiệt đới » mạnh dần lên để trở thành tính chất trội. Như

thế, nếu tính chất « nhiệt đới » được bảo vệ bởi vị trí vĩ độ, có sự giúp sức của biển, thì tính chất « á nhiệt đới » đã do gió mùa phối hợp với địa hình tạo nên, trong đó tác động của địa hình là chính.

— Không thể lấy vĩ độ 20°B làm ranh giới, vì trên vĩ độ này vẫn tồn tại kiểu khí hậu không có một mùa đông như ở Thanh-hóa—Nghệ-an. Do tác động điều hòa nhiệt độ của vịnh Bắc-bộ và biển Đông, từ Hải-phong qua Thái-bình, Nam-định, đến Ninh-bình, một phần của Hải-hung và Hà-tây ở phía đông con đường vạch từ Phả-lại đến chợ Bến, đều chỉ có hai tháng dưới 18°C, giống như ở đồng bằng Thanh-hóa. Ngược lại, các vùng đồi Nghệ-tĩnh ở phía nam vĩ tuyến 20°B vẫn lạnh, vẫn còn mùa đông dài 3 tháng, đôi khi có cả sương muối, ví dụ như Tây-hiếu (nhiệt độ tối thiểu—1°C). Cũng không phải càng lên cao về vĩ độ thì càng

lạnh, ví dụ Hữu-lũng ở vĩ độ $21^{\circ}30'B$ lạnh hơn Hà-giang ở gần vĩ tuyến $23^{\circ}B$, vì Hà-giang tương đối khuất gió hơn Hữu-lũng.

Vì vậy, theo chúng tôi, ranh giới khu vực trung gian chuyển tiếp này phải là từ vĩ tuyến $25^{\circ}B$ đến vĩ tuyến $18^{\circ}B$, vì trên vĩ tuyến $25^{\circ}B$, nền nhiệt lượng đã giảm sút mạnh mẽ, tuyết năm nào cũng xuất hiện, có nơi nhiệt độ trong mùa đông xuống dưới $10^{\circ}C$; còn dưới vĩ tuyến $18^{\circ}B$, không còn mùa đông, ngay cả ở vùng đồi cao, nghĩa là tác động của gió mùa và địa hình đồi không còn nữa.

Chúng tôi cho rằng, hai tính chất nhiệt đới và á nhiệt đới tồn tại xen kẽ nhau trong suốt thể thống nhất địa lý tự nhiên đi từ Hoa-nam đến đèo Ngang. Nó chỉ có thể mất đi khi ta đi lên vùng « á nhiệt đới » điển hình, hay đi xuống vùng « nhiệt đới » điển hình, nghĩa là sau khi đã xảy ra một sự chuyển hóa từ « nhiệt đới » sang « á nhiệt đới » hay ngược lại. Theo phạm trù về tính liên tục—không liên tục của địa lý quyền (1) thì giữa hai vùng « nhiệt đới » và « á nhiệt đới » điển hình không thể thấy một sự thay đổi đột ngột mà phải có một khu vực chuyển tiếp rộng hẹp nào đó. Do điều kiện đặc biệt, (gió mùa xích đạo lên cao, gió mùa ngoại chí tuyến xuống thấp và sự phối hợp tác động của địa hình đồi núi), mà tại lãnh thổ miền Bắc Việt-nam, khu vực chuyển tiếp này khá rộng. Đây tuy cũng là một trường hợp đặc biệt, nhưng không phải là duy nhất, ví dụ dải chuyển tiếp giữa đới « rừng ôn đới và đới thảo nguyên ôn đới » là cả một đới riêng biệt—đới « thảo nguyên rừng ». Tất nhiên, trong khu vực trung gian, mà ở đây là « đai chân núi nội chí tuyến, có mùa đông lạnh », mỗi vùng lại có một đặc điểm riêng, qui định bởi mối quan hệ cụ thể giữa hai mặt đối lập, nhưng đó chỉ là cơ sở để phân chia ra các vùng nhỏ hơn nữa, chứ không phải là cơ sở để đưa vùng cận chí tuyến xuống, hoặc đưa vùng chí tuyến lên để thủ tiêu khu vực trung gian chuyển tiếp này, mà « đặc điểm cơ bản ở đây là có sự xen kẽ kiểu bức khảm giữa các tính chất chí tuyến và cận chí tuyến ».

Ngoài ra, cũng cần chú ý rằng tính chất trung gian chuyển tiếp này đã được củng cố từ lâu, từ cuối kỷ Đệ tam. Với tốc độ nâng cao tần kiến tạo yếu (non 1mm/năm) thì phải gần triệu năm mới đạt được độ cao 600 m là giới hạn của đai chân núi. Rõ ràng, thực vật và động vật « nhiệt đới » có đủ thời gian để thích nghi dần với sự thay

đổi nhiệt độ. Các luồng gió mùa cực mạnh vào giai đoạn băng hà pleistoxen (Q_2) mang đến cho miền Bắc nước ta các loài thực vật ngoại chí tuyến, và khi đã định cư ở đây, chúng có biến đổi đi cho phù hợp với môi trường mới sau thời kỳ tan băng cũng là điều dễ hiểu. Tóm lại, không phải ngẫu nhiên mà trên miền Bắc Việt-nam tồn tại cả thực vật « nhiệt đới », « á nhiệt đới » và « ôn đới », nhưng phần lớn đều là các loài có biên độ sinh thái rộng và thường sinh trưởng không tốt bằng ở nơi có khí hậu địa đới chuẩn. Giới động vật miền Bắc nước ta cũng có những nét trung gian trong khu hệ cũng như trong đặc tính (giống khu hệ Hoa-nam, có thời kỳ trú đông, có thời kỳ nghỉ đẻ, số loài hoạt động ban ngày xấp xỉ số loài hoạt động ban đêm v.v...). Thổ nhưỡng địa đới—đất feralit—cũng yếu dần đi theo địa hình đồi, và trên 300 m đã biến thành đất feralit núi từ màu đỏ đã ngả sang màu vàng.

2. Việc phân tích mối quan hệ giữa mùa khô và mùa ẩm ở miền Bắc nước ta cũng không kém phần phức tạp, đòi hỏi phải xét kỹ cả các tháng khô ($P < 2T$), tháng hạn ($P \leq T$), tháng ẩm ($P > 2T$) liên tục trong cả năm, mà không thể bằng lòng với hệ số K hằng năm hoặc theo hai mùa ít mưa (P tháng $< 100mm$) và mưa nhiều (P tháng $> 100 mm$).

Thật vậy, ta hãy tính thử tương quan nhiệt—ẩm K theo chỉ số A.A. Grigoriép—M.I. Budrô hằng năm và theo mùa cho hai địa điểm Hà-nội và Vinh (2). Chỉ số khô hạn năm của Hà-nội là 0,85 và Vinh là 0,77, đủ điều kiện để hình thành rừng xích đạo (còn gọi là rừng nhiệt đới ẩm hay rừng mưa nhiệt đới). Nhưng do chế độ mưa mùa mà Hà-nội có hệ số $K=2,45$ trong thời gian ít mưa (11—4), và $K=0,58$ trong thời gian mưa nhiều (5—10), nghĩa là dao động từ bán hoang mạc nhiệt đới đến rừng xích đạo đầm lầy hóa mạnh; còn nếu tính chỉ số trung bình cho hai mùa sẽ được $K=1,51$ tương ứng với xavan nhiệt đới. Đối với Vinh là 1,74 (12—4), 0,60 (5—10) và 1,17 (trung bình), tương ứng với xavan nhiệt đới và rừng xích đạo đầm lầy hóa trung bình. Rõ ràng, cách tính như vậy không phản ánh khách quan nhịp điệu mùa khô ẩm và kết quả tổng hợp cuối cùng

(1) Vũ Tự Lập—Phân vùng cảnh quan miền Bắc Việt-nam Tạp chí Hoạt động Khoa học, số 11—1975.

(2) Tài liệu cân bằng bức xạ theo Phạm Ngọc Toàn—Phan Tất Đức—Khí hậu Việt-nam—Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật. Hà-nội 1975—Trang 121.

Dưới đây là hai bảng thống kê về chế độ khô ẩm của 316 cảnh địa lí phía bắc đèo Ngang, và 25 cảnh địa lí ở phía Nam đèo Ngang, theo chỉ tiêu Gaussen-Walter nêu ở trên, vì lẽ đơn giản không đủ số liệu về cân bằng bức xạ cho hàng trăm cảnh trên miền Bắc.

Như vậy, rõ ràng tại phía nam đèo Ngang sườn đông dải Trường-sơn có mùa khô không rõ rệt, tự nhiên ở đây mang tính chất chỉ tuyến nóng ẩm; trong mùa ít mưa có thời tiết gió Lào khô hạn, nhưng xét tương quan nhiệt-ẩm, P vẫn lớn hơn 2 T.

Nhưng về phía bắc đèo Ngang, đa số diện tích lãnh thổ thiên về chế độ ẩm có mùa khô nhất định, trên cái nền chung ấy có thể xen vào những vùng khô hơn do tác dụng «bóng chắn», và những vùng ẩm hơn do tác dụng «bức chắn» của địa hình. Hai khu vực ẩm rõ rệt là sườn đông núi Hà-tĩnh và sườn đông núi Quảng-ninh. Các khu vực có mùa khô dài nằm tại vùng đồi núi Hà-bắc - Lạng-sơn và Tây Nghệ-an, cũng

như tại các thung lũng và lòng chảo khuất gió ở Việt-bắc và Tây-bắc.

Thời kì khô hạn có ảnh hưởng nhất định đến tình hình sinh trưởng của thực vật. Thực vật có bộ rễ ăn nông thiếu nước rõ rệt, cỏ khô héo, cây trồng đòi hỏi nước tưới. Cây rừng cũng tăng trưởng hạn chế, kết quả cuối cùng là đi đến kiểu rừng ẩm có mùa, trong rừng có thể xuất hiện các loài cây rụng lá mùa khô và cây rừng cũng không cao to. Rừng ẩm quanh năm chỉ phát triển thuận lợi tại các cảnh không có mùa khô hay mùa khô ngắn. Một khi đất bị xói mòn, không giữ được nước, nhất là tại các cảnh có mùa khô dài và có hạn thì rừng nửa rụng lá, rừng thưa, xavan rừng và xavan dễ dàng phát triển và có thể ổn định trong một thời gian dài. Do đó, trong bất kì tình huống nào cũng phải cố gắng giữ đất, giữ nước, và thủy lợi phải là biện pháp kĩ thuật hàng đầu.

Tóm lại, trong đai chân núi dưới 600 m ở phía bắc đèo Ngang, do tác dụng của địa

Bảng 3: bắc đèo Ngang

Cảnh địa lí	Không có mùa khô và mùa khô ngắn (0 - 1 tháng)	Có mùa khô trung bình (2 - 3 tháng)	Có mùa khô dài và hạn (4 - 5 tháng)	Tổng số
Ven biển và đồng bằng	15	41	17	73
Đồi thấp và trung bình (300m)	17	60	21	103
Đồi cao (300 - 500m)	7	49	17	73
Thung lũng và lòng chảo miền núi	5	37	25	67
Tổng số	44 cảnh	187 cảnh	85 cảnh	316 cảnh
Tỉ lệ	13,9%	59,2%	26,9%	100%

Bảng 4: nam đèo Ngang

Cảnh địa lí	Không có mùa khô và mùa khô ngắn (0 - 1 tháng)	Có mùa khô trung bình (2 - 3 tháng)	Có mùa khô dài và hạn (4 - 5 tháng)	Tổng số
Ven biển và đồng bằng	7	0	0	7
Đồi thấp và trung bình (300 m)	9	0	0	9
Đồi cao (300 - 500m)	8	0	0	8
Thung lũng và lòng chảo miền núi	1	0	0	1
Tổng số	25 cảnh	0	0	25 cảnh
Tỉ lệ	100%	0	0	100%

hình đồi núi, tính chất ẩm có mùa và ẩm quanh năm cũng xen kẽ nhau, nhưng thiên về ẩm có mùa, và xét cả nhịp điệu mùa nhiệt và nhịp điệu mùa ẩm, thì tính chất đặc trưng của đai là: « Có mùa đông lạnh và khô ».

Sau khi đã phân tích chế độ nhiệt và chế độ ẩm trên miền Bắc, cả theo trung bình năm, cả theo từng mùa và từng tháng, đã đến lúc có thể tổng hợp lại để xác định tính đới của tự nhiên miền Bắc Việt-nam.

Rõ ràng, khái niệm « nhiệt đới gió mùa » vừa không đủ, vừa thiếu chính xác; không đủ, vì như thế mới phản ánh được có hai qui luật là qui luật phân hóa theo vĩ độ và qui luật phân hóa theo kinh độ, mà chưa nêu được tác động của các qui luật phân hóa theo địa hình và qui luật phân hóa theo đai cao; không chính xác, vì khái niệm đó không thể hiện được mối quan hệ cụ thể giữa bốn qui luật đã nêu trên. Nếu dùng khái niệm « nhiệt đới gió mùa » để chỉ đặc điểm của toàn ô địa lý, bao gồm cả khu vực Đông-nam châu Á thì phù hợp, nhưng cũng phải hiểu đó là hai nét chung nhất, khái quát nhất, cho phép gộp các khu vực nhỏ hơn với những đặc điểm riêng, thành một đơn vị địa lý cấp cao là ô địa lý. Theo các quan trắc cụ thể, không thể vạch ranh giới của vòng địa lý qua một khu vực đồi núi chập trùng chạy theo phương gần như bắc-nam, do đó việc xác định tính chất « nhiệt đới » phải được thực hiện bằng tư duy trừu tượng, hoặc chỉ xét đặc điểm của các vùng thấp, hoặc chuyển toàn bộ số liệu thực đo về độ cao mặt biển, hoặc tốt hơn là xét hệ thống các đai cao trong mối quan hệ với tính địa đới, coi như núi nằm ở đới nào sẽ có hệ thống đai của đới ấy, thể hiện ở số lượng đai, tính chất đai, nhất là tính chất đai chân núi. Còn theo trường phái coi trọng tính phi địa đới, thì tại các khu vực núi, không dùng đơn vị đới mà chỉ có thể và nên phân ra các vùng dựa trên yếu tố địa chất — địa mạo, tại các vùng đó lại chia nhỏ theo đai cao cụ thể. Việc phân chia các núi theo tính địa đới dựa vào tính chất của hệ thống đai cao là phục vụ cho mục đích muốn đạt đến một phương pháp phân vùng thống nhất, dựa trên tác động tương hỗ của tất cả các qui luật phân hóa không gian phổ biến của địa lý quyền (1).

Chính với mục đích như vậy mà chúng tôi có ý định dựa vào tác động tương hỗ giữa các qui luật địa lý và các đơn vị địa lý, dựa kết quả cụ thể của tác động tương hỗ đó để

xác định đặc điểm của tự nhiên miền Bắc Việt-nam trong bối cảnh của các đơn vị địa lý các cấp từ lớn đến nhỏ. Ý kiến của chúng tôi là:

1) Nền nhiệt lượng thể hiện ở chế độ ánh sáng, ở tổng nhiệt độ và ngay ở nhịp điệu mùa, với sự xuất hiện hầu như liên tục của thời tiết nóng trên 20°C và một mùa hạ dài, bảo đảm ít nhất là hai vụ cây nhiệt đới ngắn ngày, đã được quyết định bởi vị trí nội chí tuyến.

2) Chế độ gió mùa đã phối hợp với bức xạ vĩ độ để tạo nên các đới đặc trưng riêng cho toàn địa ô, đã xóa bỏ các đới thông thường của khu vực chí tuyến là các đới bán hoang mạc và xavan chí tuyến, để tạo nên các đới rừng chạy liên tục từ bắc chí nam. Nhiệt độ lạnh do gió mùa đông bắc mang lại đã hình thành một khu vực trung gian chuyển tiếp từ chí tuyến sang cận chí tuyến ở phía bắc đèo Ngang. Do mùa đông quá ngắn, chỉ độ 2 — 3 tháng dưới 18°C ở đồng bằng, chiếm tỉ lệ non 1/4 thời gian trong năm, mà khu vực trung gian chuyển tiếp này mới đạt cấp á đới (á đới bắc của đới rừng gió mùa chí tuyến). Lên vùng đồi núi, tính chất chí tuyến lại suy yếu nữa, mùa đông dài ra và lạnh thêm, mùa hạ ngắn đi và bớt nóng, mà nguyên nhân phát sinh là qui luật kiến tạo — địa mạo và qui luật đai cao.

3) Vì thế, tính địa đới nói trên chỉ được phản ánh một cách cụ thể qua hệ thống đai cao, ta phải nghiên cứu kĩ để khai thác trong thực tiễn sản xuất, không thể dựa thẳng vào kết luận về tính địa đới nói trên. Ngay đai chân núi là đai thể hiện trực tiếp tính địa đới, thì tại á đới bắc, tức là á đới chuyển tiếp sang cận chí tuyến, tính chất chuyển tiếp cũng bị phức tạp hóa do địa hình đồi.

4) Các cảnh địa lý phản ánh nhịp điệu mùa nhiệt-ẩm do địa hình phân phối lại là đơn vị địa lý có ý nghĩa khoa học và thực tiễn hơn cả. Xác định đặc điểm của đai cao chính là xác định qui luật hình thành và phân bố các cảnh, và bố trí cơ cấu cây trồng là bố trí theo số lượng và chất lượng các cảnh trong đai.

Như vậy, ta đã đặt miền Bắc Việt-nam vào « hệ trên » của nó là « vòng nội chí tuyến », « ở gió mùa nội chí tuyến Đông-nam Á »

(1) V.I. Prócaép—Những cơ sở phương pháp phân vùng địa lý tự nhiên. Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật, Hà-nội, 1971.

và « đới rừng gió mùa chí tuyến », mà ranh giới xuống đến đèo Hải-vân ở vĩ độ 16°B. Phía nam đèo Hải-vân là « đới rừng gió mùa cận xích đạo », với tổng nhiệt độ cao hơn và biên độ nhiệt nhỏ hơn nữa. Riêng miền Bắc lại phân hóa thành các « hệ đới » là hai á đới : « á đới bắc có mùa đông lạnh và khô » và « á đới nam nóng ẩm » mà ranh giới ở đèo Ngang. Do địa hình đồi núi, « đới rừng gió mùa chí tuyến » không thể hiện trực tiếp, mà chỉ thể hiện qua hệ thống đai cao với hai đai chân núi. Phản ánh hai á đới là « đai chân núi gió mùa chí tuyến có mùa đông lạnh và khô » và « đai chân núi gió mùa chí tuyến nóng ẩm ». Đai chân núi gió mùa chí tuyến có mùa đông lạnh và khô mang tính chất chuyển tiếp sang đới rừng gió mùa ngoại chí tuyến, trong đai có sự xen kẽ kiểu bức khảm giữa các tính chất nội chí tuyến và ngoại chí tuyến, tính chất ẩm có mùa và tính chất ẩm quanh năm mà ta phải phân

biệt rõ để vận dụng vào thực tiễn sản xuất. Việc làm đó chỉ có thể thực hiện được một khi đã xác định được các cảnh địa lí có nhịp điệu mùa đồng nhất, thể hiện sự thống nhất giữa các qui luật địa đới và phi địa đới của tự nhiên.

Để kết luận, ta có thể phát biểu tóm tắt đặc trưng cơ bản của tự nhiên Việt-nam và của riêng miền Bắc như sau :

Việt-nam là bộ phận đồi núi phía đông của bán đảo Đông-dương, với các hệ thống đai cao cụ thể của các đới rừng gió mùa nội chí tuyến Đông-nam Á.

Riêng miền Bắc Việt-nam có hệ thống đai cao với đai chân núi gió mùa chí tuyến có mùa đông lạnh và khô và đai chân núi gió mùa chí tuyến nóng ẩm, mà ranh giới ở vĩ độ đèo Ngang ».

VỀ BẢN CHẤT CỦA KHÍ HẬU MIỀN BẮC VIỆT-NAM

PHAN TẮT ĐẮC

Vấn đề bản chất của khí hậu miền Bắc Việt-nam là nhiệt đới hay á nhiệt đới được nêu lên từ lâu đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà chuyên môn các ngành địa lí, khí hậu, nông nghiệp, kinh tế v.v... Qua các cuộc thảo luận khá sôi nổi trong mấy năm nay cho thấy đây không phải là chuyện bàn về danh từ, mà thực chất nội dung của vấn đề là nhằm nhận thức, đánh giá cho đúng những đặc điểm thuộc về bản chất của tự nhiên miền Bắc Việt-nam — cơ sở quyết định sự thành công hay thất bại của phương hướng sản xuất, quyết định hiệu quả kinh tế của những biện pháp khai thác tài nguyên thiên nhiên.

Muốn nhận thức đúng, phải xuất phát từ sự phân tích khách quan các điều kiện tự nhiên và sự hiểu biết sâu sắc những qui

luật chi phối các quá trình hình thành lớp vỏ địa lí, tức cũng chi phối điều kiện sản xuất và đời sống.

Với tư cách là một người làm công tác khí hậu, trong bài này, chúng tôi muốn trình bày quan điểm của mình riêng về mặt khí hậu là nhân tố đứng đầu dây chuyền các quá trình biến đổi tự nhiên, là điều kiện thường xuyên của sự tồn tại và phát triển các quá trình địa lí.

Như mọi người đều biết, khí hậu miền Bắc Việt-nam có nhiều điểm đặc sắc, chẳng những khác với tình hình chung của những miền cùng vĩ tuyến mà còn không thể đồng nhất hóa cả với những vùng cùng trong khu vực